

BỘ NỘI VỤ**BỘ NỘI VỤ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2007/TT-BNV

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2007

THÔNG TƯ**hướng dẫn thực hiện chế độ kỷ luật công chức cấp xã**

Thi hành Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Nghị định số 114/2003/NĐ-CP) và Nghị định số 35/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về việc xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (sau đây gọi chung là Nghị định số 35/2005/NĐ-CP), Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện việc xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP như sau:

**I. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Về đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện chế

độ kỷ luật đối với công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 114/2003/NĐ-CP, bao gồm các chức danh sau: Trưởng công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy), Chỉ huy trưởng quân sự, Văn phòng - Thống kê, Địa chính - xây dựng, Tài chính - kế toán, Tư pháp - Hộ tịch, Văn hóa - xã hội.

2. Về các trường hợp bị xử lý kỷ luật:

Công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm nghĩa vụ của cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Điều 8 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

b) Vi phạm những việc cán bộ, công chức cấp xã không được làm quy định tại Điều 11 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

c) Vi phạm việc thực hiện Quy chế làm việc quy định tại Điều 9 của Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

d) Vi phạm pháp luật bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị Tòa án tuyên là có tội nhưng chưa bị phạt tù giam;

đ) Vi phạm pháp luật bị cơ quan có thẩm quyền kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm;

e) Vi phạm việc quản lý và sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp. Gian dối trong kê khai hồ sơ lý lịch;

g) Trong thời gian được cử đi học tập, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ vi phạm quy chế đào tạo;

h) Vi phạm các quy định của Nhà nước về phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy.

3. Công chức cấp xã thuộc các trường hợp quy định tại Điều 3 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP nếu vi phạm kỷ luật thì chưa xem xét kỷ luật.

4. Không áp dụng các hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã trong các trường hợp sau:

a) Có hành vi trái pháp luật trong trường hợp mất năng lực hành vi dân sự theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

b) Vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và được cấp có thẩm quyền xác nhận.

c) Phải thi hành quyết định của cấp

trên theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

5. Khi xem xét xử lý kỷ luật công chức cấp xã phải thực hiện đúng các nguyên tắc quy định tại Điều 5 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

6. Việc khiếu nại, khởi kiện và giải quyết các kết luận khiếu nại về kỷ luật đối với công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 29 của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP và Điều 20, Điều 21 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP.

7. Văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp là các văn bằng, chứng chỉ có kết luận của cơ quan có thẩm quyền là không hợp pháp, bao gồm các loại sau:

a) Văn bằng, chứng chỉ do làm giả;

b) Văn bằng, chứng chỉ đã bị sửa đổi nội dung mà không được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

c) Văn bằng, chứng chỉ được cấp phát cho những người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hoặc cấp phát, sửa đổi không đúng quy định về thủ tục hoặc thẩm quyền.

II. HƯỚNG DẪN VỀ XỬ LÝ KỶ LUẬT

1. Hình thức kỷ luật:

Công chức cấp xã nêu tại mục 1

phần I của Thông tư này vi phạm các quy định của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm để xem xét kỷ luật theo một trong những hình thức quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP, bao gồm:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Hạ bậc lương;
- d) Cách chức (nếu là Trưởng Công an hoặc Chỉ huy trưởng quân sự);
- đ) Buộc thôi việc.

2. Công chức cấp xã vi phạm pháp luật bị Tòa án phạt tù giam thì đương nhiên bị buộc thôi việc.

3. Về thời hiệu xử lý kỷ luật: Thời hiệu xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã thực hiện như quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

4. Về thực hiện trách nhiệm xử lý kỷ luật: Người được giao thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức cấp xã nếu chưa xử lý kỷ luật công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong thời hiệu quy định thì bị xử lý kỷ luật từ khiển trách cho đến cách chức.

5. Về việc tạm giam và đình chỉ công tác:

a) Việc tạm đình chỉ công tác đối với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật thực

hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP và Điều 10 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP;

b) Công chức cấp xã bị tạm giam theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật mà chưa có kết luận đầy đủ về vi phạm thì chưa tiến hành xem xét xử lý kỷ luật;

c) Việc tạm đình chỉ công tác của công chức cấp xã chỉ thực hiện trong thời hiệu xử lý kỷ luật.

6. Về Hội đồng kỷ luật:

a) Hội đồng kỷ luật có số lượng là 3 hoặc 5 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập. Chủ tịch Hội đồng kỷ luật là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thành phần và quy chế hoạt động cụ thể của Hội đồng kỷ luật thực hiện như quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP;

c) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật và các thành phần mời tham gia dự họp Hội đồng kỷ luật thực hiện như quy định tại Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP. Ngoài ra nếu công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong nhiệm kỳ trước, nay nhiệm kỳ mới thay đổi người lãnh đạo thì Hội đồng kỷ luật công chức cấp xã có thể mời người lãnh đạo nhiệm kỳ trước tham dự cuộc họp Hội đồng kỷ luật;

d) Người có quan hệ gia đình với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật nói tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 35/2005/NĐ-CP không được tham gia thành viên Hội đồng kỷ luật bao gồm:

- Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng được pháp luật công nhận;
- Cha, mẹ vợ (hoặc chồng);
- Vợ hoặc chồng của người vi phạm;
- Anh, chị, em ruột; anh, chị, em dâu (rẻ) được pháp luật công nhận;
- Con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi được pháp luật công nhận.

7. Về trình tự và quy trình xem xét xử lý kỷ luật:

a) Công tác chuẩn bị và trình tự họp Hội đồng kỷ luật thực hiện như quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP;

b) Công chức cấp xã vi phạm kỷ luật được Hội đồng kỷ luật gửi giấy báo triệu tập trước khi Hội đồng kỷ luật họp 7 ngày làm việc;

c) Trường hợp công chức cấp xã vi phạm kỷ luật không chịu làm bản kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật hoặc không đến dự kiểm điểm theo giấy triệu tập của cơ quan, tổ chức, đơn vị mà không có lý do chính đáng thì cơ quan vẫn họp để tiến hành kiểm điểm người vi

phạm kỷ luật và Hội đồng kỷ luật vẫn tổ chức họp để xem xét xử lý kỷ luật;

d) Đối với công chức cấp xã tự ý bỏ việc đã được cơ quan gửi giấy gọi 3 lần mà không có mặt, Hội đồng kỷ luật vẫn họp xem xét kiến nghị hình thức kỷ luật theo quy định;

đ) Trường hợp có nhiều công chức cấp xã trong cùng cơ quan vi phạm kỷ luật thì Hội đồng kỷ luật có thể xem xét xử lý trong cùng một phiên họp. Biên bản cuộc họp được lập theo trình tự xem xét kỷ luật đối với từng công chức cấp xã vi phạm;

e) Khi cơ quan họp kiểm điểm công chức cấp xã vi phạm kỷ luật, phải phân tích, chỉ rõ vi phạm nhằm giáo dục, giúp đỡ người vi phạm nhận rõ khuyết điểm của mình để khắc phục sửa chữa.

8. Việc quản lý hồ sơ kỷ luật công chức cấp xã thực hiện như quy định tại Điều 22 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP và Điều 18 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP.

9. Trường hợp công chức cấp xã đang nghỉ công tác chờ thủ tục hưu trí hoặc đã chuyển công tác về cơ quan, tổ chức khác mới phát hiện vi phạm kỷ luật thì cơ quan nơi công tác trước đó tiến hành xem xét kỷ luật theo quy định hiện hành. Sau đó gửi toàn bộ hồ sơ và quyết

định kỷ luật về cơ quan, tổ chức đang quản lý công chức cấp xã đó để lưu vào hồ sơ công chức và theo dõi quản lý.

10. Trường hợp sau khi thành lập mới, sáp nhập, chia tách xã, phường, thị trấn mới phát hiện công chức cấp xã vi phạm kỷ luật trong thời gian ở đơn vị hành chính cũ thì cơ quan hiện đang có thẩm quyền quản lý công chức cấp xã tiến hành xem xét xử lý kỷ luật. Hội đồng kỷ luật khi họp có thể mời đại diện lãnh đạo cơ quan sử dụng trực tiếp công chức cấp xã trước đây đến cùng dự và phát biểu ý kiến.

11. Về việc xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Việc xem xét áp dụng hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã vi phạm kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 25 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP và khoản 5 (từ điểm 5.1 đến 5.3 và từ điểm 5.5 đến 5.11) Mục II Thông tư số 03/2006/TT-BNV ngày 08 tháng 02 năm 2006 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 35/2005/NĐ-CP;

b) Công chức cấp xã đang hưởng hệ số lương ở bậc 1 của ngạch công chức nếu vi phạm kỷ luật thì chỉ áp dụng một trong các hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc.

12. Công chức cấp xã vi phạm kỷ luật, Hội đồng kỷ luật đã xem xét và kiến nghị hình thức kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền chưa ra Quyết định kỷ luật mà cơ quan lại phát hiện thêm các tình tiết khác liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc phát hiện có hành vi vi phạm kỷ luật khác thì cơ quan có thẩm quyền trả hồ sơ để Hội đồng kỷ luật xem xét kiến nghị lại hình thức kỷ luật. Trong trường hợp này, thời hiệu xem xét xử lý kỷ luật được tính từ khi phát hiện thêm các tình tiết liên quan đến vi phạm kỷ luật hoặc phát hiện có hành vi vi phạm kỷ luật khác.

13. Về thực hiện các quy định liên quan đến công chức cấp xã bị kỷ luật:

a) Công chức cấp xã vi phạm pháp luật mà bị phạt tù cho hưởng án treo, sau khi bị xử lý kỷ luật (trừ trường hợp kỷ luật buộc thôi việc) được bố trí công việc phù hợp với yêu cầu giám sát, giáo dục;

b) Trường hợp công chức cấp xã đang trong thời gian thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo, nếu chuyển đi nơi khác thì cơ quan được giao giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan nơi người được hưởng án treo chuyển đến để tiếp tục giám sát, giáo dục;

c) Công chức cấp xã trong thời gian thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo

(kể cả thời gian thử thách) thì không thực hiện xem xét nâng bậc lương và thời gian này không được tính vào thời gian để xét nâng bậc lương. Riêng thời gian thử thách được tính vào thời gian công tác.

14. Công chức cấp xã đang nghỉ chế độ chờ làm thủ tục hưu trí mà bị phát hiện có vi phạm pháp luật trong thời gian thi hành nhiệm vụ, công vụ trước khi nghỉ công tác thì cơ quan tạm thời dừng việc giải quyết thủ tục hưu trí cho đến khi cơ quan có thẩm quyền đã kết thúc việc xem xét xử lý kỷ luật.

15. Các quy định khác liên quan đến công chức cấp xã bị kỷ luật buộc thôi việc thực hiện như quy định tại Điều 28 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP.

16. Đối với công chức cấp xã bị kỷ luật hạ bậc lương thì thực hiện như sau: Công chức cấp xã đang hưởng bậc lương theo ngạch công chức nào thì hạ xuống bậc thấp hơn liền kề của ngạch đó. Thời gian xét nâng lương lần sau tính từ thời điểm giữ mức lương hưởng trước khi vi phạm kỷ luật.

17. Công chức cấp xã bị kỷ luật hạ bậc lương không bị kéo dài thời hạn nâng bậc lương thêm 1 năm (12 tháng) nhưng trong thời gian chưa chấm dứt hiệu lực của Quyết định kỷ luật thì chưa giải quyết

nâng bậc lương theo thâm niên. Sau khi chấm dứt hiệu lực của Quyết định kỷ luật mới xem xét nâng bậc lương theo thâm niên.

18. Việc chấm dứt hiệu lực của Quyết định kỷ luật đối với công chức cấp xã thực hiện như quy định tại Điều 26 Nghị định số 35/2005/NĐ-CP, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định kỷ luật không phải ra Quyết định chấm dứt hiệu lực của Quyết định kỷ luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức cấp xã quy định tại Điều 19 Nghị định số 114/2003/NĐ-CP để quy định cụ thể việc phân cấp thẩm quyền xử lý kỷ luật công chức cấp xã; quy định thành phần và quy chế hoạt động cụ thể của Hội đồng kỷ luật đồng thời chỉ đạo tổ chức tập huấn và trang bị các văn bản có liên quan đến thực hiện xử lý kỷ luật công chức cấp xã cho người đứng đầu Ủy ban nhân dân cấp xã. Tổ chức kiểm tra việc xử lý kỷ luật công chức cấp xã.

2. Cán bộ chuyên trách cấp xã giữ các chức danh bầu cử như Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Ủy ban

nhân dân nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp nêu tại mục 2 phần I của Thông tư này thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân để xem xét xử lý kỷ luật.

3. Cán bộ chuyên trách cấp xã là Bí thư, Phó bí thư đảng ủy xã, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã nếu vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp nêu tại mục 2 của Thông tư này thì cấp có thẩm quyền xem

xét, xử lý kỷ luật theo quy định của điều lệ tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

5. Trong quá trình thực hiện, có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Quang Trung